

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/QĐ – UB ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006644 ngày 09 tháng 05 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã ba lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 31 tháng 08 năm 2012 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới là 0304952106.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2014: 80.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84) 38300707
- Fax: (84) 38300702
- Website: www.sachhocktro.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa. Thiết kế tạo mẫu;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy;
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 74 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 17 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|----------|--------------------------|
| • Ông Xà Thiệu Hoàng | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012 |
| • Bà Lê Phương Mai | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012 |
| • Ông Nguyễn Minh Khang | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012 |
| • Ông Phạm Văn Hồng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/11/2012 |
| • Bà Hoàng Minh Tâm | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-----------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Đặng Thanh Trúc | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012 |
| • Bà Nguyễn Thị Chanh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012 |
| • Ông Lê Xuân Huy | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-----------------------|-------------------|----------------------------|
| • Ông Xà Thiệu Hoàng | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15/12/2014 |
| • Ông Phạm Văn Hồng | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2012 |
| | | Miễn nhiệm ngày 15/12/2014 |
| • Bà Mai Ngọc Liên | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2012 |
| • Bà Ngô Trần Nha Thy | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2012 |
| • Bà Đặng Thục Trinh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 17/05/2007 |
| | | Miễn nhiệm ngày 01/02/2014 |
| • Bà Lê Phương Mai | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 17/05/2007 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Xà Thiệu Hoàng

Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính

Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dnng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 035/2015/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 21/01/2015, từ trang 4 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Phương Lan

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 01 năm 2015

Đỗ Thị Thanh Vân – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1483-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung

có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		136.025.976.947	148.068.882.811
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	11.961.577.149	14.095.232.644
1. Tiền	111		11.961.577.149	14.095.232.644
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.989.377.056	33.184.960.521
1. Phải thu khách hàng	131		17.633.125.767	31.672.846.726
2. Trả trước cho người bán	132		21.500.000	140.426.128
3. Các khoản phải thu khác	135	6	684.705.336	1.966.083.936
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.349.954.047)	(594.396.269)
IV. Hàng tồn kho	140		87.596.936.475	82.362.030.350
1. Hàng tồn kho	141	7	87.702.723.828	82.362.030.350
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(105.787.353)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.478.086.267	18.426.659.296
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	17.816.499.731	17.245.065.651
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.661.586.536	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	-	1.152.481.914
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	-	29.111.731
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		71.050.292.913	62.986.377.965
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.095.694.113	997.995.511
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	5.095.694.113	997.995.511
- Nguyên giá	222		7.856.214.020	3.042.420.095
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.760.519.907)	(2.044.424.584)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	65.127.680.000	61.027.680.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	38.108.680.000	38.108.680.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	27.019.000.000	22.919.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		826.918.800	960.702.454
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	698.470.000	840.202.454
2. Tài sản dài hạn khác	268	14	128.448.800	120.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		207.076.269.860	211.055.260.776

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**Ngày 31 tháng 12 năm 2014**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		79.466.127.028	92.099.483.559
I. Nợ ngắn hạn	310		79.466.127.028	92.099.483.559
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	34.024.305.823	31.709.326.013
2. Phải trả người bán	312		20.304.061.225	43.530.658.413
3. Người mua trả tiền trước	313		968.811.474	4.155.940.643
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	2.370.545.556	1.936.603.587
5. Phải trả người lao động	315		2.249.695.318	2.245.916.851
7. Chi phí phải trả	316	17	85.000.000	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	12.344.271.321	362.708.682
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.119.436.311	8.158.329.370
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		127.610.142.832	118.955.777.217
I. Vốn chủ sở hữu	410		127.610.142.832	118.955.777.217
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	19	80.000.000.000	80.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	19	31.069.812.153	24.845.371.904
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	19	11.434.587.435	9.004.662.068
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	19	1.886.452.483	1.886.452.483
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	19	3.219.290.762	3.219.290.762
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		207.076.269.860	211.055.260.776

Tổng Giám đốc**Kế toán trưởng****Người lập****Xà Thiệu Hoàng***Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2015***Lê Phương Mai****Lê Phương Mai**

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	367.319.394.102	343.269.987.063
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	3.121.946.769	3.178.225.560
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	20	364.197.447.333	340.091.761.503
4. Giá vốn hàng bán	11	21	282.511.929.225	264.092.978.005
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		81.685.518.108	75.998.783.498
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	365.237.537	1.801.006.296
7. Chi phí tài chính	22	23	5.268.186.636	9.366.788.871
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>2.800.951.193</i>	<i>4.208.543.893</i>
8. Chi phí bán hàng	24		25.303.348.055	17.053.634.304
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.622.829.988	18.077.593.905
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.856.390.966	33.301.772.714
11. Thu nhập khác	31	24	357.490.511	12.933.574
12. Chi phí khác	32	25	49.274.423	46.702.774
13. Lợi nhuận khác	40		308.216.088	(33.769.200)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	26	32.164.607.054	33.268.003.514
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	7.865.353.389	3.635.840.211
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	26	24.299.253.665	29.632.163.303
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	3.037	3.704

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Xà Thiệu Hoàng

Lê Phương Mai

Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	379.354.179.566	338.865.097.481
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(343.871.573.959)	(249.839.185.093)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(13.664.924.355)	(12.360.062.149)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.800.951.193)	(4.208.543.893)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(5.477.259.124)	(2.218.711.087)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.402.952.030	2.046.191.982
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(13.783.767.402)	(6.503.390.335)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.158.655.563	65.781.396.906
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(5.284.975.093)	(1.074.174.590)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	327.272.727	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.800.000.000)	(22.149.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	150.411.498	1.801.006.296
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.607.290.868)	(21.422.168.294)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	171.828.262.928	92.232.882.603
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(169.513.283.118)	(114.307.751.634)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(14.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.314.979.810	(36.474.869.031)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.133.655.495)	7.884.359.581
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	14.095.232.644	6.210.873.063
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	11.961.577.149	14.095.232.644

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Xà Thiệu Hoàng

Lê Phương Mai

Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/QĐ – UB ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006644 ngày 09 tháng 05 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã ba lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 31 tháng 08 năm 2012 với số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 0304952106.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Đại lý, môi giới, đầu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành; Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách; Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy;
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản); Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;
- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Các chính sách kế toán áp dụng**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***4.5 Tài sản cố định hữu hình*****Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với các tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5
Máy móc thiết bị	2,5
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.6 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.9 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.10 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không có khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.12 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang thực hiện

- Thuế giá trị gia tăng:
 - + Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - + Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%;
 - + Lịch: Áp dụng thuế suất 10%;
 - + Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***4.13 Công cụ tài chính***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	977.903.022	572.178.163
Tiền gửi ngân hàng	10.983.674.127	13.523.054.481
Cộng	11.961.577.149	14.095.232.644

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu về thuế TNCN của cán bộ CNV	654.455.336	635.833.936
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	1.300.000.000
Các đối tượng khác	30.250.000	30.250.000
Cộng	684.705.336	1.966.083.936

7. Hàng tồn kho

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	34.023.535.107	24.126.690.052
Chi phí SX, KD dở dang	25.149.051.968	27.881.322.941
Thành phẩm	23.108.233.042	27.075.193.585
Hàng hóa	5.421.903.711	3.278.823.772
Cộng	87.702.723.828	82.362.030.350

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế GTGT đầu vào chờ phân bổ cho hàng chưa tiêu thụ	4.853.029.919	5.287.031.314
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	14.163.815
Chi phí tổ chức bán thảo, lệ phí xuất bản sách bổ trợ	12.197.815.744	11.577.607.906
Chi phí trả trước khác	765.654.068	366.262.616
Cộng	17.816.499.731	17.245.065.651

9. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	1.152.481.914
Cộng	-	1.152.481.914

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạm ứng	-	29.111.731
Cộng	-	29.111.731

11. Tài sản cố định hữu hình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	-	-	2.761.883.786	280.536.309	3.042.420.095
Mua sắm trong năm	-	647.275.200	1.413.153.138	-	2.060.428.338
Đ/tư XDCB h/thành	3.224.546.755	-	-	-	3.224.546.755
Thanh lý, nhượng bán	-	-	471.181.168	-	471.181.168
Số cuối năm	3.224.546.755	647.275.200	3.703.855.756	280.536.309	7.856.214.020
Khấu hao					
Số đầu năm	-	-	1.837.352.368	207.072.216	2.044.424.584
Khấu hao trong năm	429.939.567	86.303.360	597.569.471	73.464.093	1.187.276.491
Giảm trong năm	-	-	471.181.168	-	471.181.168
Số cuối năm	429.939.567	86.303.360	1.963.740.671	280.536.309	2.760.519.907
			1.963.740.671		2.760.519.907
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	-	924.531.418	73.464.093	997.995.511
Số cuối năm	2.794.607.188	560.971.840	1.740.115.085	-	5.095.694.113

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2014 là 2.074.051.005 đồng.

Không có TSCĐ hữu hình nào dùng để cầm cố, thế chấp nợ vay tại 31/12/2014.

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		38.108.680.000		38.108.680.000
- Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2 (44,2% VDL) (i)	1.512.508	38.108.680.000	1.512.508	38.108.680.000
Đầu tư dài hạn khác		27.019.000.000		22.919.000.000
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định (ii)	77.000	770.000.000	77.000	770.000.000
- NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh (iii)		22.149.000.000		22.149.000.000
- NXBGD Việt Nam (iv)		4.100.000.000		-
Cộng		65.127.680.000		61.027.680.000

(i) Vốn đầu tư của Công ty chiếm 44,2% vốn thực góp của Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2. Báo cáo tài chính (trước kiểm toán) của Công ty nhận đầu tư có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

(ii) Vốn đầu tư của Công ty chiếm 7,5% vốn thực góp của Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định. Báo cáo tài chính (trước kiểm toán) của Công ty nhận đầu tư có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

Do Cổ phiếu của các Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm cuối niên độ kế toán. Do đó, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

(iii) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng góp vốn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

03/HĐGVĐT-2011 ngày 29/08/2011. Tổng số vốn góp dự kiến là 40 tỷ đồng, trong đó Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh góp vốn bằng quyền sử dụng đất, Công ty cam kết góp 30% tổng số vốn. Theo Thông báo về tiến độ - tình hình sử dụng vốn ngày 01/07/2013 của Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại Thành phố Hồ Chí Minh thì tổng số vốn đầu tư cho công trình sẽ được điều chỉnh lên 50.612.798.133 đồng, trong đó Công ty đóng góp 45% tổng kinh phí dự án, tương đương với 22.775.759.160 đồng. Số vốn thực góp đến ngày 31/12/2014 là: 22.149.000.000 đồng.

(iv) Là khoản góp vốn với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để tham gia đầu tư vào Quỹ đầu tư xuất bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam cho hoạt động xuất bản sách Sách giáo khoa và Sách bổ trợ, thời gian hợp tác đầu tư là 5 năm. Tổng số vốn thực góp đến thời điểm 31/12/2014 là 4.100.000.000 đồng.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí tổ chức bản thảo	698.470.000	807.905.000
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	32.297.454
Cộng	698.470.000	840.202.454

14. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	128.448.800	120.500.000
Cộng	128.448.800	120.500.000

15. Vay và nợ ngắn hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	34.024.305.823	31.709.326.013
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)_Hội Sở	24.698.018.530	9.739.326.013
- Ngân hàng TMCP Vietcombank_Chỉ nhánh Bình Tây	9.326.287.293	5.500.000.000
- Nguyễn Thị Phương	-	500.000.000
- Phan Quỳnh Anh	-	3.000.000.000
- Nguyễn Thị Thu Dung	-	1.100.000.000
- Đỗ Thị Mai Anh	-	732.000.000
- Vũ Bá Lộc	-	738.000.000
- Nguyễn Văn Hùng	-	900.000.000
- Võ Thị Thảo Hiền	-	4.500.000.000
- Hoàng Thị Minh Tâm	-	400.000.000
- Trần Thị Tuyết	-	2.400.000.000
- Lê Thị Tuyết Trinh	-	500.000.000
- Đỗ Thị Kim Anh	-	1.700.000.000
Cộng	34.024.305.823	31.709.326.013

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	59.128.482
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.235.612.351	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.134.933.205	1.877.475.105
Cộng	2.370.545.556	1.936.603.587

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí bản quyền sách tiếng anh	85.000.000	-
Cộng	85.000.000	-

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	252.271.321	296.828.682
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	90.000.000	60.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.002.000.000	5.880.000
- Cổ tức phải trả	12.000.000.000	-
- Phải trả khác	2.000.000	5.880.000
Cộng	12.344.271.321	362.708.682

19. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2013	80.000.000.000	7.131.537.152	6.041.445.738	1.886.452.483	13.109.003.036
Tăng trong năm	-	17.713.834.752	2.963.216.330	-	29.632.163.303
Giảm trong năm	-	-	-	-	39.521.875.577
Số dư tại 31/12/2013	80.000.000.000	24.845.371.904	9.004.662.068	1.886.452.483	3.219.290.762
Số dư tại 01/01/2014	80.000.000.000	24.845.371.904	9.004.662.068	1.886.452.483	3.219.290.762
Tăng trong năm	-	6.224.440.249	2.429.925.367	-	24.299.253.665
Giảm trong năm	-	-	-	-	24.299.253.665
Số dư tại 31/12/2014	80.000.000.000	31.069.812.153	11.434.587.435	1.886.452.483	3.219.290.762

b. Cổ phiếu

	31/12/2014 Cổ phiếu	31/12/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu thường	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu thường	8.000.000	8.000.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	3.219.290.762	13.109.003.036
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	24.299.253.665	29.632.163.303
Các khoản giảm trừ lợi nhuận sau thuế	24.299.253.665	39.521.875.577
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	9.889.712.274
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	9.889.712.274
Phân phối lợi nhuận năm nay	24.299.253.665	29.632.163.303
- Trích quỹ đầu tư phát triển	6.224.440.249	7.824.122.478
- Trích quỹ dự phòng tài chính	2.429.925.367	2.963.216.330
- Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	3.644.888.049	4.444.824.495
- Chia cổ tức	12.000.000.000	14.400.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.219.290.762	3.219.290.762

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2013 theo Nghị quyết số 86/NQ ngày 26/02/2014 của Hội đồng quản trị và được phê duyệt theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 136/NQ-ĐHCD ngày 15/04/2014.

Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 506/NQ-ĐHCD ngày 31/12/2014.

d. Cổ tức

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 506/NQ-ĐHCD ngày 31/12/2014 đã quyết định tạm ứng cổ tức 2014 là 15% vốn điều lệ. Công ty đã chốt quyền danh sách cổ đông hưởng cổ tức vào ngày 19/12/2014. Thời gian chi trả dự kiến là 26/01/2015.

20. Doanh thu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng doanh thu	367.319.394.102	343.269.987.063
Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ	236.387.138.643	228.407.003.215
Doanh thu sách tham khảo	68.606.796.491	61.436.193.004
Doanh thu lịch block	4.811.417.572	5.113.505.900
Doanh thu từ bán vật tư	57.514.041.396	48.313.284.944
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.121.946.769	3.178.225.560
+ Hàng bán bị trả lại	3.121.946.769	3.178.225.560
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	364.197.447.333	340.091.761.503

21. Giá vốn hàng bán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn sách giáo khoa, sách bổ trợ	175.998.973.042	175.928.011.469
Giá vốn sách tham khảo	46.197.491.827	36.062.761.591
Giá vốn lịch block	3.771.850.007	4.315.807.265
Giá vốn từ bán vật tư	56.437.826.996	47.786.397.680
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	105.787.353	-
Cộng	282.511.929.225	264.092.978.005

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	58.011.498	288.498.296
Chiết khấu thanh toán	214.826.039	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	92.400.000	1.512.508.000
Cộng	365.237.537	1.801.006.296

23. Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	2.800.951.193	4.208.543.893
Chiết khấu thanh toán	2.467.235.443	5.158.244.978
Cộng	5.268.186.636	9.366.788.871

24. Thu nhập khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Nhập vật tư thừa từ cắt rọc	1.126.875	11.115.392
Thu phí tham gia hội sách	29.090.908	-
Thanh lý TSCĐ	327.272.728	1.818.182
Cộng	357.490.511	12.933.574

25. Chi phí khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí phạt thuế	49.274.423	46.702.774
Cộng	49.274.423	46.702.774

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.164.607.054	33.268.003.514
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.929.768.863	(343.628.876)
Điều chỉnh tăng	2.022.168.863	1.168.879.124
- Chi phí không hợp lệ	1.972.894.440	901.155.000
- Chi phí lãi vay vượt 150% LSCB Ngân hàng Nhà Nước	-	221.021.350
- Chi phí phạt thuế	49.274.423	46.702.774
Điều chỉnh giảm (Cổ tức, lợi nhuận được chia)	92.400.000	1.512.508.000
- Cổ tức lợi nhuận được chia	92.400.000	1.512.508.000
Tổng thu nhập chịu thuế	34.094.375.917	32.924.374.638
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.865.353.389	3.635.840.211
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	7.500.762.701	3.292.437.464
- Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	364.590.688	343.402.747
Lợi nhuận sau thuế TNDN	24.299.253.665	29.632.163.303

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.299.253.665	29.632.163.303
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	24.299.253.665	29.632.163.303
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.037	3.704

28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	126.433.590.355	171.688.387.463
Chi phí nhân công	14.563.443.018	13.129.301.472
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.187.276.491	242.575.639
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.867.071.944	88.359.048.414
Chi phí khác bằng tiền	12.611.152.213	7.718.761.460
Cộng	299.662.534.021	281.138.074.448

29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, báo cáo bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất, kinh doanh sách và một bộ phận địa lý chính là Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

30. Công cụ tài chính**a. Quản lý rủi ro về vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu phát sinh từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Công ty vay vốn ngắn hạn với lãi suất cố định. Do đó, rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Nhà cung cấp chính của Công ty đều thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Hơn nữa, các mặt hàng thuộc lĩnh vực giáo dục thường có giá cả ổn định, ít biến động nên Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro do biến động giá của Công ty ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***Quản lý rủi ro tín dụng**

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và các đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	34.024.305.823		34.024.305.823
Phải trả người bán	20.304.061.225	-	20.304.061.225
Chi phí phải trả	85.000.000	-	85.000.000
Phải trả khác	12.092.000.000	-	12.092.000.000
Cộng	66.505.367.048	-	66.505.367.048
31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	31.709.326.013	-	31.709.326.013
Phải trả người bán	43.530.658.413	-	43.530.658.413
Phải trả khác	65.880.000	-	65.880.000
Cộng	75.305.864.426	-	75.305.864.426

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.961.577.149	-	11.961.577.149
Phải thu khách hàng	16.283.171.720	-	16.283.171.720
Phải thu khác	684.705.336	-	684.705.336
Đầu tư vào công ty khác	-	27.019.000.000	27.019.000.000
Tài sản tài chính khác	-	128.448.800	128.448.800
Cộng	28.929.454.205	27.147.448.800	56.076.903.005

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.095.232.644	-	14.095.232.644
Phải thu khách hàng	31.078.450.457	-	31.078.450.457
Phải thu khác	1.966.083.936	-	1.966.083.936
Đầu tư vào công ty khác	-	22.919.000.000	22.919.000.000
Tài sản tài chính khác	-	120.500.000	120.500.000
Cộng	47.139.767.037	23.039.500.000	70.179.267.037

31. Các bên liên quan**a. Thông tin các bên liên quan**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục VN (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT và PTGD Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT và PTGD Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Công ty liên kết
CN Công ty CP TBGD 2 - NS & TBGD Cao Lãnh	Công ty liên kết
Công ty CP In SGK tại TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Tp Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư

b. Giao dịch trọng yếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Bán hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cung ứng lịch, STK	903.885.801	832.537.000
Công ty CP DVXB GD Hà Nội	Cung ứng lịch, STK	941.776.250	164.111.230
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Cung ứng lịch, STK	2.422.844.440	2.807.225.826
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Cung ứng lịch, STK	4.204.473.064	3.392.959.829
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Cung ứng lịch, STK	5.119.523.959	5.611.022.011
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Cung ứng lịch, STK	1.313.874.130	9.302.297.703
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cung ứng lịch, STK	179.767.000	462.072.600
CN Công ty CP TBGD 2 - NS & TBGD Cao Lãnh	Cung ứng lịch, STK	2.352.261.779	1.586.214.010
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	Cung ứng lịch, STK	10.196.924.378	6.525.686.064
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Cung ứng lịch, STK	10.085.122.392	8.410.435.318
Công ty CP Sách TBTH TP Hồ Chí Minh	Cung ứng lịch, STK	30.968.874.403	23.028.909.756
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Cung ứng lịch, STK	151.074.201	65.227.500
Công ty CP Sách Giáo dục tại Tp Đà Nẵng	Cung ứng lịch, STK	55.495.125	43.560.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cung ứng lịch, STK	941.776.250	18.435.000
Công ty CP DVXB Gia Định	Cung ứng lịch, STK	486.907.190	1.222.124.939
Mua hàng			
Công ty CP DVXB GD Gia Định	Chi phí tổ chức bàn thảo	7.512.674.398	7.028.120.581
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Mua SGK, STK	10.066.696.889	9.141.827.691
Công ty CP Học liệu	Băng đĩa, sách, VPP	2.383.962.238	1.083.620.000
Công ty CP ĐT&PTGD Đà Nẵng	Mua sách	1.869.388.160	1.452.347.350
Công ty CP ĐT&PTGD Hà Nội	Mua sách	14.326.447.369	212.982.520
	Chi phí tổ chức bàn thảo	3.189.098.176	1.905.880.815
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Chi phí tổ chức bàn thảo, n	26.129.659.685	38.901.450.078
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Mua giấy, tem	-	10.389.053.336
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Mua sách bổ trợ, STK	12.823.426.954	14.589.098.257
Công ty CP In SGK tại TP Hồ Chí Minh	Công in	2.130.645.046	3.406.103.203
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Mua sách	45.880.000	-
Cty Cổ Phần Sách Giáo Dục tại T.P Đà Nẵng	Mua sách	7.384.000	157.451.020
CTy Cổ Phần Sách - Thiết Bị Giáo dục Cửu Long	Mua sách	3.965.302.830	85.665.752
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chi phí tổ chức bàn thảo	801.569.724	2.641.667.667
Giao dịch khác			
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cho vay	-	10.000.000.000
	Lãi cho vay	-	166.250.000
	Thu nợ vay	-	10.000.000.000
	Cho mượn	2.000.000.000	-
	Thu cho mượn	2.000.000.000	-
	Đầu tư dài hạn	2.800.000.000	-

c. Số dư với các bên có liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty liên quan	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải trả cho người bán		
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	15.350.185.776	15.338.353.141
Công ty CP ĐT&PTGD Đà Nẵng	175.869.918	341.541.149
Công ty CP DVXB GD Gia Định	-	1.783.789.692
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	-	9.339.855
Công ty CP Học liệu	-	166.359.312
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	-	392.656.306
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Hà Nội	-	1.113.744.338
Cty Cổ Phần Sách Giáo Dục tại Thành Phố Đà Nẵng	-	37.057.660
Phải thu khách hàng		
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	771.843.301	790.985.000
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	50.000.000	200.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	9.111.600	280.599.600
CN Công ty CP TBGD 2 - NS & TBGD Cao Lãnh	124.438.659	324.831.840
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	251.124.225	351.300.425
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	-	52.199.653
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	30.188.940	30.682.849
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	-	2.150.305.814
Công ty CP Sách TBTH TP Hồ Chí Minh	284.911.500	468.320.297
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	105.194.201	-
Phải thu khác		
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	1.300.000.000
Đầu tư dài hạn khác		
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	4.100.000.000	-

d. Các giao dịch khác

		Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Ban Giám đốc	Tiền lương	1.161.396.000	1.407.575.000
	Tiền thưởng	581.881.000	477.000.000
Hội đồng quản trị	Tiền thù lao	1.112.000.000	887.473.050

32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

33. Số liệu so sánh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Là số liệu trong BCTC của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Xà Thiệu Hoàng

Lê Phương Mai

Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2015